

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: T08/NUTRICARE/2020

**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
NUTRICARE GOLD**

Năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: T08/NUTRICARE/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: 02437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/Nơi cấp: /

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung: Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Gold

2. Thành phần: Chất đạm (Đạm đậu nành tinh chế, Đạm sữa, Đạm Whey), Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp khoáng và vitamin (Natri, Kali, Clo, Canxi, Phot pho, Magiê, Sắt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, I ốt, Crôm, Molybden, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Axit Pantothenic, Vitamin B6, Axit Folic, Vitamin B12, Biotin), Canxi β -Hydroxy- β -Methylbutyrat (CaHMB), Lactium, Hương Vani tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, Lô sản xuất, Hạn sử dụng: được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 20g, 25g, 40g, 47 g, 50g, 200g, 400g, 500g, 800g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp theo thông tư số 21/2014/TT-BKHCN:

Thông tư quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, Liền kề 2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sản xuất tại: Nhà máy CN Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0246.6833.368

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Y học Quốc tế.

Địa chỉ: Cụm CN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Thông tư 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm; 3742/2001/QĐ-BYT: QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ Về việc ban hành Quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm; 50/2016/TT-BYT Thông tư Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm; 43/2014/TT-BYT: Quản lý thực phẩm chức năng; Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE GOLD

Thành phần/ Components	Đơn vị/ Unit	Trong 100g (Per 100g)	Trong 1 ly (210 ml) / Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	447	210
Đạm/Protein	g	18.3	8.60
BCAA	mg	3329	1565
Arginine	mg	900	423
Methionine	mg	134	63.2
Chất béo/Fat	g	15.9	7.47
MUFA	mg	4931	2318
PUFA	mg	1341	630
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	60.0	28.2
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3.60	1.69
Lactium	mg	50.0	23.5
CaHMB	mg	500	235
HMB	mg	410	193
Vitamin			
Vitamin A	IU	1753	824
Vitamin D3	IU	472	222
Vitamin E	IU	16.7	7.85
Vitamin K1	µg	27.1	12.7
Vitamin C	mg	100	47.1
Vitamin B1	µg	1014	477
Vitamin B2	µg	733	344
Niacin	µg	12088	5672
Axit Panthoic/Pantothenic acid	µg	4341	2040
Vitamin B6	µg	1480	695
Axit Folic/Folic acid	µg	109	51.0
Vitamin B12	µg	6.60	3.10
Biotin	µg	32.5	15.3
Khoáng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	234	110
Kali/Potassium	mg	182	85.4
Clor/Chloride	mg	346	163
Canxi/Calcium	mg	690	324
Phot pho/Phosphorus	mg	260	122
Magiê/Magnesium	mg	74.1	34.8
Sắt/Iron	mg	3.40	1.60
Kẽm/Zinc	mg	14.5	6.82
Mangan/Manganese	µg	1100	517
Đồng/Copper	µg	303	142
Iốt/Iodine	µg	54.2	25.5
Selen/Selenium	µg	18.7	8.79
Crôm/Chromium	µg	19.3	9.07
Molybdenum/Molybdenum	µg	2.0	0.92

THÀNH PHẦN/ INGREDIENTS:

Chất đạm (Đạm đậu nành tinh chế, Đạm sữa, Đạm Whey), Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp khoáng và Vitamin (Natri, Kali, Clo, Canxi, Phot pho, Magiê, Sắt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, Iốt, Crom, Molybden, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Axit Panthoic, Vitamin B6, Axit Folic, Vitamin B12, Biotin), Canxi β-Hydroxy-β-Methylbutyrate (CaHMB), Lactium, Hương Vani tổng hợp.

Protein (Soy protein, Milk protein, Whey protein), Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Premix minerals & vitamins (Sodium, Potassium, Chloride, Calcium, Phosphorus, Magnesium, Iron, Zinc, Copper, Manganese, Selenium, Iodine, Chromium, Molybdenum, Vitamin A, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Pantothenic acid, Vitamin B6, Folic acid, Vitamin B12, Biotin), Calcium β-Hydroxy-β-Methylbutyrate (CaHMB), Lactium, Vanilla flavor.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USE FOR:

Thích hợp với người lớn và trẻ em từ 10 tuổi, người có nhu cầu bổ sung năng lượng; Người cao tuổi tiêu hóa kém, khó nhai nuốt; Người trong thời kỳ dưỡng bệnh, trước và sau phẫu thuật cần phục hồi sức khỏe; Người gặp các vấn đề căng thẳng, lo âu, mất ngủ.

Suitable for adults and children from 10 years of age, who needs additional energy; The elderly with poor digestion, difficulty swallowing; People during convalescence; People pre- and post-operation who need health rehabilitation; People experiencing stress, anxiety or insomnia problems.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ từ 47 g **Nutricare Gold** (5 muỗng gạt) vào 190 ml nước đun sôi để ấm khoảng (45-50°C), khuấy đều được 210 ml dung dịch **Nutricare Gold**, cung cấp 210 Kcal. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng ngay hoặc bảo quản lạnh và dùng hết trong vòng 3 giờ. Uống 2-3 ly **Nutricare Gold**/ngày.

To prepare one serving 210 ml provides 210 Kcal: Gradually mix 5 level spoons (approximately 47 g) of **Nutricare Gold** to 190 ml of warm water (45-50°C). Finish using Nutricare Gold reconstituted feeding 3 hours after preparation. Use 2-3 servings **Nutricare Gold** per day.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Sản xuất tại: Nhà máy CN Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Số CBSP: T08/NUTRICARE/2020.

USFDA và CE đã được cấp phép.

NSX và hạn sử dụng in trên bao bì.



Lactium
Hỗ trợ giấc ngủ

NutriCare Gold



Mới!
Thêm 50% Canxi *

Giàu dinh dưỡng phục hồi sức khỏe nhanh sau mổ
Tăng cường chất xơ hỗ trợ tiêu hóa

Khối lượng tịnh **400g**

Thực phẩm bổ sung/Supplemented food
Main ingredients from EU, USA

Trang 4

Không đường
LACTOSE
Để tiêu hóa

Giàu chất xơ hòa tan
(FOS/Inulin)

Các nghiên cứu khoa học cho thấy, cần đảm bảo một chế độ dinh dưỡng khoa học giúp phục hồi sức khỏe, cải thiện các chức năng ở người lớn tuổi.

NUTRICARE GOLD - BỔ BỔ SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN TUỔI

CÔNG THỨC
3 TỐT



Bổ sung 27 vitamin & khoáng chất giúp phục hồi sức khỏe nhanh

Đạm chất lượng cao **HMB (β-Hydroxy β-Methylbutyrate)** cùng **Arginine, BCAA** giúp tăng cường hệ cơ, phục hồi sức khỏe nhanh sau ốm.

Thêm 50% Canxi *, cùng **Vitamin D3, Magiê, Phot pho** giúp phòng chống loãng xương, tăng cường vận động.



Giàu chất béo không no nguồn gốc thực vật **MUFA, PUFA & không chứa Cholesterol** giúp giảm tình trạng xơ vữa động mạch, tốt cho tim mạch.



Nguồn dinh dưỡng cân đối với **27 vitamin & khoáng chất**, cũng hệ **Antioxidants (vitamin A, C, E & Selen)** giúp tăng cường miễn dịch, phục hồi sức khỏe.

* Cải tiến so với Nutricare Gold cũ

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP
Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BÁC : 1800.60.11
(Miễn phí cước gọi đến)
MIỄN NAM : 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn



MA HO SO: 20.06.100.19557

Thành phần/ Components	Đơn vị/ Unit	Trong 100g /Per 100g	Trong 1 ly (210 ml) / Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy			
Đạm/Protein	g	18.3	8.60
BCAA	mg	3329	1565
Arginine	mg	900	423
Methionine	mg	134	63.2
Chất béo/Fat			
MUFA	mg	4931	2318
PUFA	mg	1341	630
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate			
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	60.0	28.2
	g	3.60	1.69
Lactium	mg	50.0	23.5
CaHMB	mg	500	235
HMB	mg	410	193
Vitamin			
Vitamin A	IU	1753	824
Vitamin D3	IU	472	222
Vitamin E	IU	16.7	7.85
Vitamin K1	µg	27.1	12.7
Vitamin C	mg	100	47.1
Vitamin B1	mg	1014	477
Vitamin B2	µg	733	344
Niacin	µg	12068	5672
Axit Pantothenic/Pantothenic acid	µg	4341	2040
Vitamin B6	µg	1480	695
Axit Folic/Folic acid	µg	109	51.0
Vitamin B12	µg	6.60	3.10
Biotin	µg	32.5	15.3
Khoáng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	234	110
Kali/Potassium	mg	182	85.4
Clo/Chloride	mg	346	163
Canxi/Calcium	mg	690	324
Phốt pho/Phosphorus	mg	260	122
Magiê/Magnesium	mg	74.1	34.8
Sắt/Iron	mg	3.40	1.60
Kẽm/Zinc	mg	14.5	6.82
Mangan/Manganese	µg	1100	517
Đồng/Copper	µg	303	142
I ốt/Iodine	µg	54.2	25.5
Selen/Selenium	µg	18.7	8.79
Crôm/Chromium	µg	19.3	9.07
Molybden/Molybdenum	µg	19.2	9.02

Chất đạm (Đạm đậu nành tinh chế, Đạm sữa, Đạm Whey), Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp khoáng và vitamin (Natri, Kali, Clo, Canxi, Photpho, Magiê, Sắt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, I-ốt, Crom, Molybden, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Axit Panthoic, Vitamin B6, Axit Folic, Vitamin B12, Biotin), Canxi β -Hydroxy- β -Methylbutyrate (CaHMB), Lactium, Hương Vani tổng hợp.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USE FOR:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

BẢO QUẢN/STORAGE:

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
 VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội.
 Sản xuất tại: Nhà máy CN Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
 Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.
 Điện thoại: 024.66.833.368
 Số (BSP): T08/NUTRICARE/2020.
 NSX và HSD: Xem trên bao bì.



NUTRICARE GOLD - BỒI BỔ SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN TUỔI

CƠ - XƯƠNG



Nguồn dinh dưỡng cân đối với **27 vitamin & khoáng chất** cùng hệ **Antioxidants (vitamin A, C, E & Selen)** giúp tăng cường miễn dịch, phục hồi sức khỏe.

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An
toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**
Hệ thống thực hành sản xuất tốt
(**GMP**), **HACCP**
Hệ thống Quản lý môi trường
ISO 14001:2015.

* Cải tiến so với Nutricare Gold cũ

